

Bản án số 65/2021/HNGĐ- ST
Ngày 27/08/2021
*V/v: Không công nhận là vợ chồng
giữa chị X và anh A.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Cường;

2. Ông Nguyễn Hữu Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/07 và 27/08 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 510/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc: “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXX- ST ngày 02 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nông Văn A (tức Sin), sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã L do ông Lê X N-Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện theo pháp luật (vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Đặng Văn B là chủ tịch, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q-Chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường đại diện (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Năm 1993 bà và ông Nông Văn A đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đám cưới bà về chung sống cùng ông A tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1994 thì bà và ông A về sinh sống tại thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trước khi tổ chức đám cưới, bà và ông A có được tự nguyện tìm hiểu. Nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế và mãi làm ăn kinh tế nên đến nay bà và ông A vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà và ông A chung

sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, ông bà thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do ông A hay uống rượu say và đánh chửi bà. Năm 2003 bà và ông A chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông A được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông A là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông A sinh được 02 con là Nông Thị V, sinh năm 1993 và ông Văn T, sinh năm 1996. Hai con bà đều đã xây dựng gia đình riêng nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống cùng nhau bà và ông A tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 01 thửa đất ở diện tích 348m², tại thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00889.QSĐĐ/QĐSỐ5QĐ/UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận ngày 05/01/2001, mang tên hộ ông Nông Văn Sin. Theo kết quả đo đạc thực tế, thửa đất có diện tích 417,6m². Diện tích tăng lên là do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự sai số, còn thực trạng thửa đất từ khi bà và ông A quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn nguyên trạng, không lấn chiếm và tranh chấp với ai. Trên đất có 01 ngôi nhà ba gian, cấp 4 loại 2, diện tích khoảng trên 30m² và một số tài sản và cây cối khác. Bà đề nghị Tòa án giao phần diện tích đất có nhà cho ông A quản lý, sử dụng và giao cho ông A sở hữu nhà và tài sản trên phần đất ông A được giao, còn bà quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại. Nếu có chênh lệch về giá trị tài sản các bên trích trả cho nhau bằng tiền. Toàn bộ tài sản trên các con bà không có công sức đóng góp gì.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nông Văn A trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống cùng nhau từ năm 1992, hai bên có tổ chức đám cưới, nhưng đến nay vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn. Đến năm 2007, bà X đi làm ăn và theo người đàn ông khác, không quan tâm gì đến ông. Ông và bà X sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế, nhưng nay bà X yêu cầu Tòa án không công nhận bà X và ông là vợ chồng, ông không đồng ý.

Về con chung: Như bà X đã trình bày, ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông và bà X mua được thửa đất như bà X đã khai. Toàn bộ các tài sản này các con ông không có công sức đóng góp gì. Nay bà X yêu cầu chia tài sản trên ông không đồng ý.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Ông không có ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L do ông Lê X N trình bày: Năm 2001, hộ ông Nông Văn A được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00889/QSĐĐ/QĐSỐ5QĐ/UB(H) diện tích 348m², thuộc thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất trên do ông A, bà X quản lý, sử dụng từ trước đến nay vẫn nguyên trạng, không lấn chiếm của ai, cũng không tranh chấp với ai. Nguồn gốc thửa đất là do bà X, ông A mua lại của người khác. Theo kết quả xem xét, thẩm định và đo đạc thực tế ngày 26/04/2021 do Tòa án tiến hành, thửa đất có diện tích tăng 417,6m² tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là

69,6m². Có sự chênh lệch trên là do sai sót về số liệu trong khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2001, hộ ông Nông Văn A được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00889/QSĐĐ/QĐSỐ5QĐ/UB(H) có diện tích 348m², thuộc thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Thửa đất trên do ông A, bà X quản lý, sử dụng từ trước đến nay vẫn nguyên trạng, không lần chiếm của ai, cũng không tranh chấp với ai. Nguồn gốc thửa đất là do bà X, ông A mua lại của người khác. Theo kết quả xem xét, thẩm định và đo đạc thực tế ngày 26/04/2021 do Tòa án tiến hành, thửa đất có diện tích tăng 417,6, tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 69,6m². Có sự chênh lệch trên là do sai sót về số liệu trong khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiếp tục giao cho hộ ông Nông Văn A, bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên.

Tại biên bản lấy lời khai, các con bà Nguyễn Thị X, ông Nông Văn A là chị Nông Thị V, anh Nông Văn T đều xác nhận các tài sản trên là của ông A, bà X, các anh chị không có công sức đóng góp gì và đề nghị Tòa án không đưa các anh chị vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Nông Văn A là vợ chồng; về tài sản chung: Chia cho bà X và ông A mỗi người ½ giá trị tài sản; về con chung, nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét; về án phí: Bà X, ông A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng tại phiên tòa bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X chung sống như vợ chồng với ông Nông Văn A từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống bà X và ông A đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Bà X và ông A sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu. Nay bà X xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông A được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Nông Văn A là vợ chồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Quá trình chung sống cùng nhau bà Nguyễn Thị X và ông A có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

- 01 thửa đất ở diện tích 348m², tại thôn Đ, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00889.QSDD/QĐSỐ5QĐ/UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận ngày 05/01/2001. Theo kết quả xem xét, thẩm định thực tế, thửa đất có diện tích 417,6m². Diện tích tăng là do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sự sai số, còn thực trạng thửa đất từ khi bà X, ông A quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn nguyên trạng, không lấn chiếm và tranh chấp với ai. Trị giá thửa đất là 1.461.600.000đ. Trên đất có các tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà ba gian, cấp 4 loại 2, diện tích khoảng trên 30m², trị giá 11.911.000đ;

+ Sân gạch diện tích 52,29m², trị giá 941.000đ;

+ Nhà bếp loại C, diện tích 25,55m², trị giá 3.066.000đ;

+ Tường vảnh lao, xây gạch chỉ 110mm bờ trụ, diện tích 13,88m², trị giá 744.000đ;

+ 01 bể nước, không có tấm đan bê tông, trị giá 360.000đ;

+ Khu chăn nuôi loại C, diện tích 8,36m², không còn giá trị sử dụng;

+ Nhà vệ sinh loại C, diện tích 1,8m², trị giá 62.000đ;

+ 1 cây Ổi đường kính gốc 12cm, trị giá 251.000đ;

+ 02 cây Ổi đường kính gốc 10cm/cây, trị giá 428.000đ;

+ 01 cây Ổi mới trồng, trị giá 32.000đ;

+ 01 cây Mít đường kính gốc 5cm, trị giá 302.000đ;

+ 01 cây Xoài đường kính gốc 15cm, trị giá 506.000đ

+ 01 cây Xoài đường kính gốc 30cm, trị giá 914.000đ;

+ 02 cây Xoài đường kính gốc 12cm/cây, trị giá 1.624.000đ.

+ 02 cánh cổng rộng 03m, có cột hai bên xây bằng gạch chỉ, trị giá 300.000đ.

- Tổng giá trị tài sản là 1.483.041.000đ (một tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng). Toàn bộ các tài sản trên là của bà Nguyễn Thị X, ông Nông Văn A, các con ông bà không có liên quan gì.

[5]. Theo kết quả xem xét, thẩm định thực tế, thửa đất có diện tích tăng 69,6m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nông Văn A năm 2001 là do có sự sai sót về số liệu. Từ khi quản lý, sử dụng thửa đất cho đến nay hộ ông Nông Văn A vẫn sử dụng ổn định, không lấn chiếm, tranh chấp với ai nên tiếp tục giao cho ông Nông Văn A, bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên (417,6m²).

[6]. Xác định công sức đóng góp và về việc phân chia tài sản:

[6.1]. Xét toàn bộ tài sản trên hình thành bằng nguồn thu nhập chung trong thời kỳ bà Nguyễn Thị X, ông Nông Văn A chung sống với nhau như vợ chồng nên xác định bà Nguyễn Thị X và ông Nông Văn A có công sức đóng góp ngang nhau nên chia cho bà X, ông A mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản.

[6.2]. Xét toàn bộ các tài sản hiện nay do ông Nông Văn A là người đang sử dụng trực tiếp. Để thuận tiện cho việc sử dụng cần giao cho ông Nông Văn A sử dụng 190,8m² đất ở và sở hữu ngôi nhà ba gian, cấp 4 loại 2, diện tích 30m²; nhà bếp loại C, diện tích 25,55m²; sân gạch diện tích 52,29m²; 02 cánh cổng rộng 03m, có cột hai bên xây bằng gạch chỉ và toàn bộ các tài sản trên phần đất được giao quản lý, sử dụng.

Thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông Chơn từ điểm 1-10 dài 17,30m. Phía Nam giáp diện tích đất giao cho chị X quản lý, sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Đông đường đi từ điểm 1-2 dài 7,27m; từ điểm 2-3 dài 3,92m. Phía Tây giáp ông Tiến từ điểm 8-9 dài 4,30m; giáp đất nhà ông Dũng từ điểm 9-10 dài 6,55m.

Tổng giá trị các tài sản trên là 684.018.000đ (sáu trăm tám mươi tư triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

[6.3]. Giao cho bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng 226,8m² đất ở và sở hữu: Tường vảnh lao, xây gạch chỉ 110mm bổ trụ, diện tích 13,88m²; 01 bể nước, không có tấm đan bê tông; khu chăn nuôi loại C, diện tích 8,36m²; nhà vệ sinh loại C, diện tích 1,8m²; 01 cây Ổi đường kính gốc 12cm; 02 cây Ổi đường kính gốc 10cm/cây; 01 cây Ổi mới trồng; 01 cây Mít đường kính gốc 5cm, trị giá 302.000đ; 01 cây Xoài đường kính gốc 15cm; 01 cây Xoài đường kính gốc 30cm; 02 cây Xoài đường kính gốc 12cm/cây và toàn bộ các tài sản trên diện tích đất được giao.

Thửa đất có các cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất giao cho ông A quản lý, sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Nam đất nhà ông Chiêu từ điểm 5-6 dài 17,10m. Phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 3-4 dài 1,22m; từ điểm 4-5 dài 10,58m. Phía Tây giáp đất nhà ông Phú từ điểm 6-7 dài 13,41m; giáp đất nhà ông Tiến từ điểm 7-8 dài 0,70m.

Tổng giá trị các tài sản trên là 799.023.000đ (bảy trăm chín mươi chín triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng).

[6.4]. Do giá trị tài sản bà Nguyễn Thị X được chia chênh lệch so với giá trị tài sản ông Nông Văn A được chia (799.023.000đ-684.018.000đ) là 115.005.000đ. Nên bà Nguyễn Thị X phải trích chia trả ông Nông Văn A ½ giá trị tài sản chênh lệch trên là 57.502.500đ (năm mươi bảy triệu năm trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

[6.5]. Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị X được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng), ông Nông Văn A được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

[7]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị X có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị X đã nộp cho Tòa án số tiền tạm ứng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là tài là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Số tiền trên đã chi phí hết. Bà Nguyễn Thị X và ông Nông Văn A mỗi người được chia ½ giá trị tài sản nên mỗi người phải chịu ½ số tiền trên. Vì vậy, buộc ông Nông Văn A phải thanh toán trả

bà Nguyễn Thị X 3500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X, ông Nông Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Nông Văn A (tức Sin) là vợ chồng.

2. *Về tài sản chung:*

- Giao cho ông Nông Văn A quản lý sử dụng 190,8m² đất ở và sở hữu ngôi nhà ba gian, cấp 4 loại 2, diện tích khoảng trên 30m²; nhà bếp loại C, diện tích 25,55m²; sân gạch diện tích 52,29m²; 02 cánh cổng rộng 03m, có cột hai bên xây bằng gạch chỉ và toàn bộ các tài sản trên phần đất được giao quản lý, sử dụng.

Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông Chơn từ điểm 1-10 dài 17,30m. Phía Nam giáp diện tích đất giao cho chị X quản lý, sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Đông đường đi từ điểm 1-2 dài 7,27m; từ điểm 2-3 dài 3,92m. Phía Tây giáp ông Tiến từ điểm 8-9 dài 4,30m; giáp đất nhà ông Dũng từ điểm 9-10 dài 6,55m.

- Giao cho bà Nguyễn Thị X quản lý, sử dụng 226,8m² đất ở và sở hữu: Tường vảnh lao, xây gạch chỉ 110mm bổ trụ, diện tích 13,88m²; 01 bể nước, không có tấm đan bê tông; khu chăn nuôi loại C, diện tích 8,36m²; nhà vệ sinh loại C, diện tích 1,8m²; 01 cây Ổi đường kính gốc 12cm; 02 cây Ổi đường kính gốc 10cm/cây; 01 cây Ổi mới trồng; 01 cây Mít đường kính gốc 5cm, trị giá 302.000đ; 01 cây Xoài đường kính gốc 15cm; 01 cây Xoài đường kính gốc 30cm; 02 cây Xoài đường kính gốc 12cm/cây và toàn bộ các tài sản trên diện tích đất được giao.

Diện tích đất có các cạnh cụ thể như sau: Phía Bắc giáp diện tích đất giao cho ông A quản lý, sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Nam đất nhà ông Chiêu từ điểm 5-6 dài 17,10m. Phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 3-4 dài 1,22m; từ điểm 4-5 dài 10,58m. Phía Tây giáp đất nhà ông Phú từ điểm 6-7 dài 13,41m; giáp đất nhà ông Tiến từ điểm 7-8 dài 0,70m (có sơ đồ kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho ông Nông Văn A giá trị tài sản chênh lệch là 57.502.500đ (năm mươi bảy triệu năm trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

- Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị X được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng). Tổng giá trị tài sản

ông Nông Văn A được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

3. *Về chi phí tố tụng*: Bà Nguyễn Thị X, ông Nông Văn A phải chịu 7.000.000đ tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận số tiền trên bà X đã nộp đủ. Buộc ông Nông Văn A phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị X 3500.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 37.076.000đ. Trừ vào số tiền 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005124 ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, bà Nguyễn Thị X còn phải chịu 32.076.000đ án phí. Ông Nông Văn A phải chịu 37.076.000đ án phí chia tài sản chung.

5. *Về kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Kèm theo Bản án là Sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

